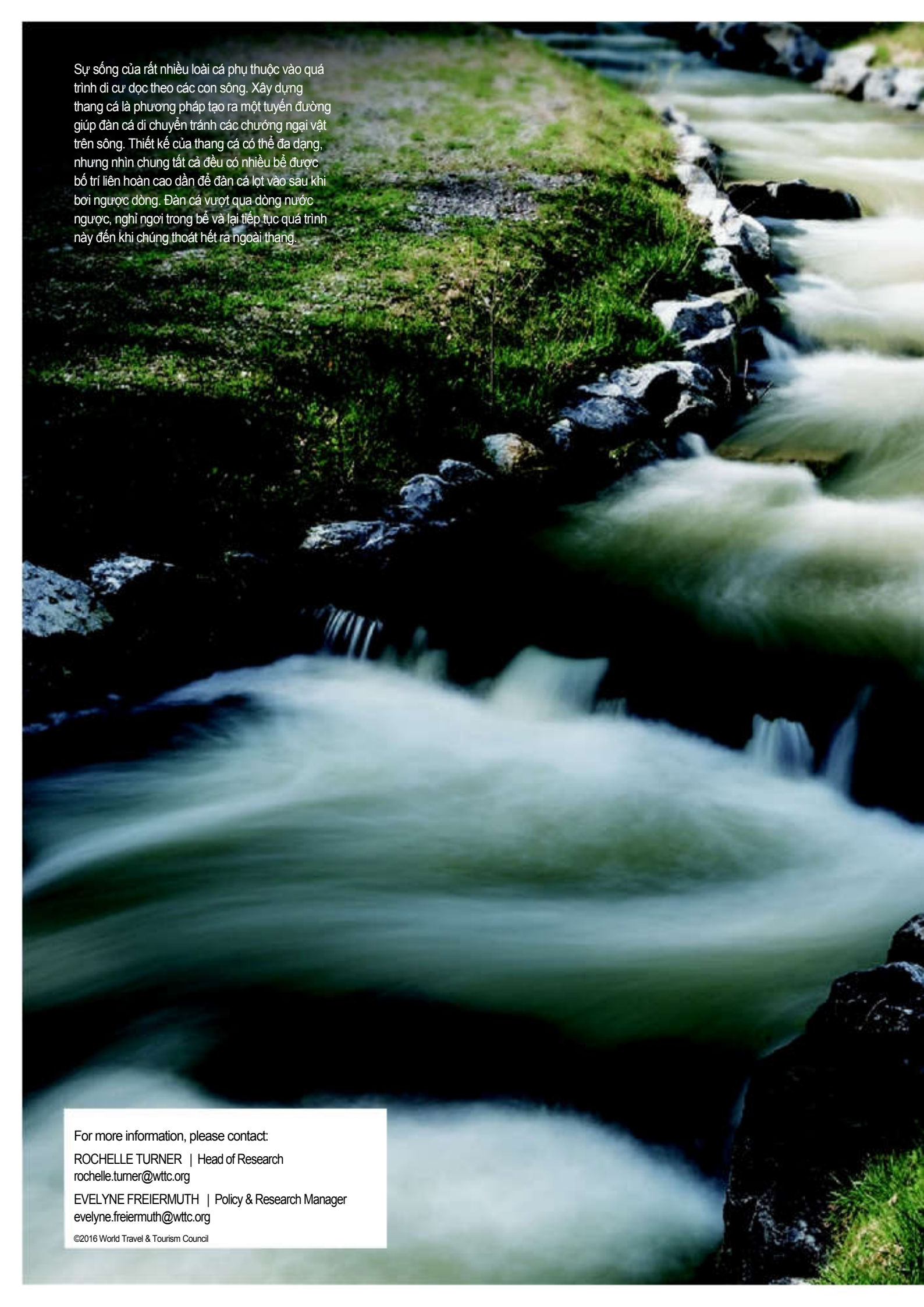




Tác động kinh tế của Du lịch và Lữ hành ở Việt Nam – năm 2016



Sự sống của rất nhiều loài cá phụ thuộc vào quá trình di cư dọc theo các con sông. Xây dựng thang cá là phương pháp tạo ra một tuyến đường giúp đàn cá di chuyển tránh các chướng ngại vật trên sông. Thiết kế của thang cá có thể đa dạng, nhưng nhìn chung tất cả đều có nhiều bể được bố trí liên hoàn cao dần để đàn cá lọt vào sau khi bơi ngược dòng. Đàn cá vượt qua dòng nước ngược, nghỉ ngơi trong bể và lại tiếp tục quá trình này đến khi chúng thoát hết ra ngoài thang.

For more information, please contact:

ROCHELLE TURNER | Head of Research
rochelle.turner@wttc.org

EVELYNE FREIERMUTH | Policy & Research Manager
evelyne.freiermuth@wttc.org

©2016 World Travel & Tourism Council



LỜI NÓI ĐẦU

Hội đồng Du lịch và Lữ hành thế giới (WTTC) là một tổ chức toàn cầu nghiên cứu về tác động kinh tế - xã hội của ngành Du lịch và Lữ hành. WTTC thúc đẩy tăng trưởng bền vững trong ngành du lịch và lữ hành, làm việc với các chính phủ, các tổ chức quốc tế để góp phần tạo công ăn việc làm, tăng giá trị xuất khẩu và sự thịnh vượng.

Trong 25 năm qua, WTTC đã tiến hành đánh giá, định lượng tác động kinh tế của ngành du lịch và lữ hành. Năm nay, Báo cáo thường niên 2016 đề cập tới 184 quốc gia và 24 khu vực trên thế giới. Trong đó, chúng tôi đưa ra dự báo tầm nhìn 10 năm về triển vọng tăng trưởng của Ngành cũng như những đóng góp quan trọng của Ngành đối với sự phát triển kinh tế - xã hội trên thế giới.

Năm 2015 là năm thứ 5 liên tục, ngành du lịch và lữ hành có tốc độ tăng trưởng cao hơn mức tăng trưởng của nền kinh tế thế giới (ở mức 2,8% so với 2,3%), thậm chí cao hơn so với một số ngành kinh tế chủ yếu như công nghệ chế tạo và bán lẻ. Năm 2015, ngành du lịch và lữ hành đã tạo ra 7,2 nghìn tỷ USD (tương đương 9,8% GDP toàn cầu), tạo ra 284 triệu việc làm – tương đương với tỷ lệ 1/11 việc làm được tạo ra trong nền kinh tế toàn cầu.

Triển vọng đối với ngành du lịch và lữ hành trong năm 2016 vẫn rất sáng sủa, bất chấp những khó khăn về kinh tế cũng như những bất ổn khác ở một số khu vực trên thế giới. Đóng góp của ngành vào GDP toàn cầu được dự báo sẽ tăng và tiếp tục cao hơn tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế toàn cầu. Nền kinh tế thế giới có chiều hướng đi lên cũng là cơ sở để kỳ vọng ngành du lịch và lữ hành sẽ tiếp tục tăng trưởng trong năm 2016. Giá dầu xuống thấp nhất trong vòng hơn 1 thập kỷ qua sẽ làm chi phí vận chuyển hạ xuống và do vậy tiếp tục thúc đẩy nhu cầu du lịch, trong khi đó khả năng chi tiêu của các hộ gia đình cũng sẽ được nâng lên do hưởng lợi từ việc giá năng lượng giảm.

Trong năm qua, vấn đề an toàn an ninh đã trở thành mối quan tâm hàng đầu, chúng tôi cho rằng những vấn đề này sẽ tiếp tục gây ra khó khăn trong những năm tới. Tuy nhiên, chúng tôi lưu ý rằng ngành du lịch và lữ hành vẫn tiếp tục thể hiện khả năng chống chọi với khó khăn và các chính phủ đang nỗ lực để bảo đảm an toàn cho du khách và giảm thiểu những mối nguy hại về an ninh. Một số vụ việc nghiêm trọng mà chúng ta đã chứng kiến trong thời gian qua sẽ không ngăn cản được mọi người tiếp tục đi du lịch.

Có những yếu tố khác ảnh hưởng tới dòng du khách trên khắp thế giới. Đáng chú ý là việc đồng USD tăng giá so với một số đồng tiền khác đã làm gia tăng tính cạnh tranh về giá của những điểm đến này và sẽ tác động đến quyết định đi du lịch của du khách. Dĩ nhiên, bên cạnh những yếu tố hiện có, những diễn biến mới chắc chắn sẽ xuất hiện. Du lịch và lữ hành đã chứng tỏ được trong quá khứ sức mạnh và khả năng thích nghi trước bất kỳ thách thức nào. Ngành sẽ tiếp tục tăng trưởng, tạo ra việc làm và mang lại lợi ích kinh tế, xã hội.

Trong vòng một thập kỷ tới, ngành Du lịch và Lữ hành được dự báo sẽ tăng trưởng nhanh hơn tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế toàn cầu và nhiều ngành kinh tế khác. Dự báo đến năm 2026, ngành sẽ tạo ra trên 370 triệu việc làm. Điều này đòi hỏi các điểm đến trên toàn thế giới phải tạo ra môi trường và điều kiện thuận lợi cho ngành phát triển. Cần có sự phối hợp hiệu quả giữa khu vực nhà nước và tư nhân trên toàn thế giới.

Hội đồng Du lịch và Lữ hành thế giới (WTTC) tự hào được đóng góp những cứ liệu cần thiết cho khu vực nhà nước và tư nhân nhằm hỗ trợ quá trình ra quyết định đúng đắn cho sự phát triển bền vững của ngành du lịch và lữ hành thế giới.

David Scowsill
President & CEO



NỘI DUNG

TÁC ĐỘNG KINH TẾ CỦA DU LỊCH & LỮ HÀNH - THÁNG 3/2016

LỜI NÓI ĐẦU

NGHIÊN CỨU THƯỜNG NIÊN 2016: CÁC SỐ LIỆU CHÍNH	1
XÁC ĐỊNH ĐÓNG GÓP VỀ KINH TẾ CỦA DU LỊCH & LỮ HÀNH	2
ĐÓNG GÓP CỦA DU LỊCH & LỮ HÀNH VÀO GDP	3
ĐÓNG GÓP CỦA DU LỊCH & LỮ HÀNH VÀO VIỆC LÀM	4
GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU VÀ ĐẦU TƯ	5
NHỮNG YẾU TỐ KHÁC CỦA DU LỊCH & LỮ HÀNH	6
XẾP HẠNG QUỐC GIA: ĐÓNG GÓP TUYỆT ĐỐI, 2015	7
XẾP HẠNG QUỐC GIA: ĐÓNG GÓP TƯƠNG ĐỐI, 2015	8
XẾP HẠNG QUỐC GIA: TĂNG TRƯỞNG THỰC, 2015	9
XẾP HẠNG QUỐC GIA: TĂNG TRƯỞNG DÀI HẠN, 2016 - 2025	10
BẢNG TÓM TẮT: ƯỚC TÍNH VÀ DỰ BÁO	11
ĐÓNG GÓP KINH TẾ CỦA DU LỊCH & LỮ HÀNH: THEO GIÁ THỰC TẾ 2015	12
ĐÓNG GÓP KINH TẾ CỦA DU LỊCH & LỮ HÀNH: THEO GIÁ DANH NGHĨA	13
ĐÓNG GÓP KINH TẾ CỦA DU LỊCH & LỮ HÀNH: TĂNG TRƯỞNG	14
THUẬT NGỮ	15

NGHIÊN CỨU THƯỜNG NIÊN 2016: CÁC SỐ LIỆU CHÍNH¹

GDP: ĐÓNG GÓP TRỰC TIẾP

Năm 2015, đóng góp trực tiếp của du lịch và lữ hành vào GDP là 279.287 tỷ VND (tương đương 6,6% GDP); được dự báo tăng 5,2% trong năm 2016 và tăng 7,2% mỗi năm trong giai đoạn 2016-2026, đạt 587.593 tỷ VND vào năm 2026 (7,2% GDP)

GDP: TỔNG ĐÓNG GÓP

Năm 2015, tổng đóng góp của du lịch và lữ hành vào GDP là 584.884 tỷ VND (13,9% GDP); được dự báo tăng 5,3% trong năm 2016 và tăng 7,2% mỗi năm, đạt 1.232.640 tỷ VND vào năm 2026 (15,2% GDP).

VIỆC LÀM: ĐÓNG GÓP TRỰC TIẾP

Năm 2015, du lịch và lữ hành trực tiếp tạo ra 2.783.000 việc làm (5,2% tổng việc làm); được dự báo tăng 0,7% trong năm 2016 và tăng 2,4% mỗi năm, đạt 3.553.000 việc làm vào năm 2026 (5,7% tổng việc làm).

VIỆC LÀM: TỔNG ĐÓNG GÓP

Năm 2015, tổng đóng góp của du lịch và lữ hành vào việc làm, bao gồm cả việc làm gián tiếp, là 6.035.500 việc làm, chiếm 11,2% tổng số việc làm; được dự báo sẽ tăng 0,7% trong năm 2016, đạt 6.075.500 việc làm và sẽ tăng 2,3% mỗi năm, đạt 7.632.000 việc làm vào năm 2026 (12,3% tổng việc làm).

GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU TỪ KHÁCH DU LỊCH QUỐC TẾ

Năm 2015, giá trị xuất khẩu từ khách du lịch quốc tế đạt 213.389 tỷ VND (5,6% tổng giá trị xuất khẩu); được dự báo sẽ tăng 2,2% trong năm 2016, và tăng 6,8% mỗi năm giai đoạn 2016-2026, đạt 422.128 tỷ VND năm 2016 (4,6% tổng giá trị xuất khẩu).

ĐẦU TƯ

Đầu tư vào lĩnh vực du lịch và lữ hành năm 2015 đạt 113.497 tỷ VND, chiếm 10,4% tổng đầu tư; được dự báo sẽ tăng 7,7% năm 2016, và tăng 6,5% mỗi năm trong thập kỷ tới, đạt 229.855 tỷ VND vào năm 2026 (10,0% tổng đầu tư).

¹ Tất cả các giá trị được tính theo giá và tỷ giá hối đoái cố định năm 2015.

2016
DỰ BÁO



XẾP HẠNG TRÊN THẾ GIỚI (TRONG SỐ 184 QUỐC GIA):

Tầm quan trọng của Du lịch và Lữ hành đóng góp vào GDP

XẾP THỨ 40

Về quy mô tuyệt đối
Năm 2015

XẾP THỨ 55

Về quy mô tương đối
Đóng góp vào GDP năm 2015

XẾP THỨ 24

Về tăng trưởng
Dự báo năm 2016

XẾP THỨ 5

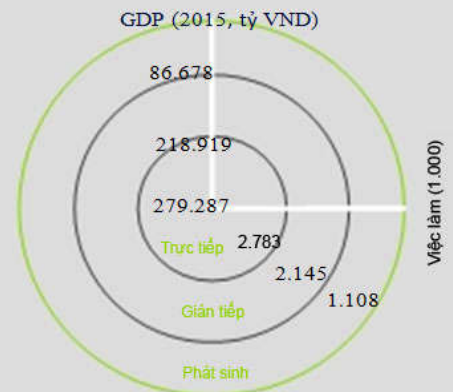
Về tăng trưởng dài hạn
Dự báo 2016-2026

Tổng đóng góp của du lịch và lữ hành vào GDP

2015, tỷ VND



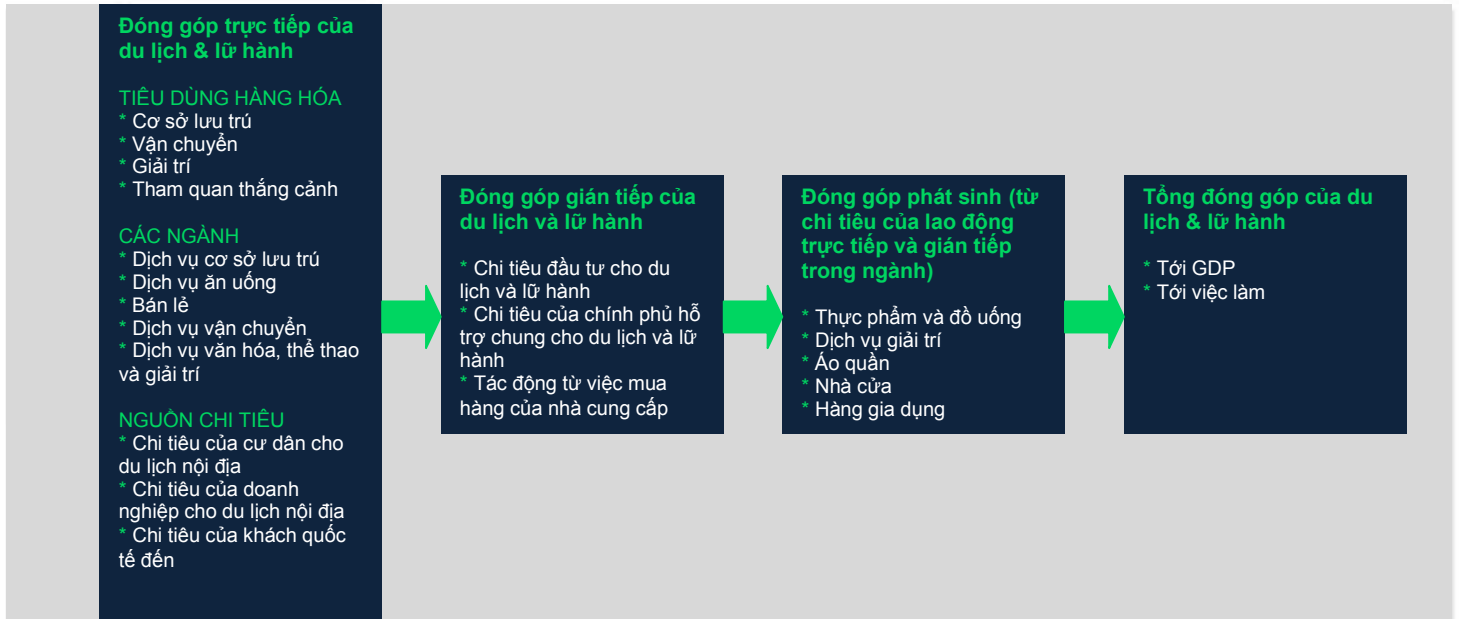
Phân tích đóng góp của du lịch và lữ hành vào GDP và việc làm, năm 2015



= Tổng đóng góp của Du lịch và Lữ hành

Xác định đóng góp về kinh tế của Du lịch và Lữ hành

Du lịch và Lữ hành là một hoạt động kinh tế quan trọng ở hầu hết các quốc gia trên thế giới. Bên cạnh những tác động trực tiếp về kinh tế, du lịch và lữ hành có tác động gián tiếp và phát sinh. Phương pháp thống kê Tài khoản vệ tinh du lịch do cơ quan thống kê của Liên hợp quốc xây dựng (TSA:RMF 2008) chỉ tính toán đóng góp trực tiếp của ngành Du lịch và Lữ hành. Tuy nhiên, WTTC cho rằng tổng đóng góp của du lịch và lữ hành lớn hơn rất nhiều và sẽ cố gắng tính toán những đóng góp gián tiếp và phát sinh này thông qua các nghiên cứu thường niên của mình.



ĐÓNG GÓP TRỰC TIẾP

Đóng góp trực tiếp của du lịch và lữ hành vào GDP phản ánh chi tiêu “trong nước” cho du lịch và lữ hành (nghĩa là tổng chi tiêu trong phạm vi một quốc gia bởi những người là cư dân và không phải cư dân quốc gia đó cho mục đích du lịch nghỉ dưỡng và công việc), cũng như chi tiêu của chính phủ cho những dịch vụ du lịch và lữ hành trực tiếp phục vụ du khách, như dịch vụ văn hóa (bảo tàng) hay dịch vụ giải trí (công viên quốc gia).

Đóng góp trực tiếp của du lịch và lữ hành vào GDP được tính toán nhất quán với các yếu tố đầu ra của ngành được thể hiện trong hệ thống tài khoản quốc gia như: khách sạn, hàng không, sân bay, đại lý lữ hành, dịch vụ nghỉ dưỡng và giải trí trực tiếp phục vụ khách du lịch. Đóng góp trực tiếp của du lịch và lữ hành vào GDP được tính toán từ tổng chi tiêu nội địa, bằng cách trừ đi những khoản chi tiêu cho các lĩnh vực phi du lịch. Phương pháp tính toán này phù hợp với định nghĩa về GDP Du lịch trong phương pháp tính Tài khoản vệ tinh du lịch 2008 (TSA: RMF 2008).

TỔNG ĐÓNG GÓP

Tổng đóng góp của du lịch và lữ hành cho nền kinh tế gồm có đóng góp trực tiếp, đóng góp gián tiếp và đóng góp phát sinh. Đóng góp gián tiếp bao gồm phần GDP và số lượng việc làm được tạo ra bởi:

- Chi tiêu đầu tư cho du lịch và lữ hành – ví dụ như mua máy bay mới, hay xây dựng khách sạn mới;
- Chi tiêu của chính phủ để hỗ trợ chung cho ngành du lịch và lữ hành trên nhiều phương diện như: xúc tiến quảng bá du lịch, hàng không, quản lý hành chính, bảo đảm an ninh trật tự, bảo đảm an toàn vệ sinh tại khu vực nghỉ dưỡng...
- Những khoản mua sắm nội địa hàng hóa và dịch vụ bởi những chủ thể giao dịch trực tiếp với khách du lịch, chẳng hạn như: các khách sạn mua thực phẩm và dịch vụ lau dọn, các hãng hàng không mua nhiên liệu và dịch vụ để phục vụ khách, các đại lý lữ hành mua dịch vụ công nghệ thông tin...

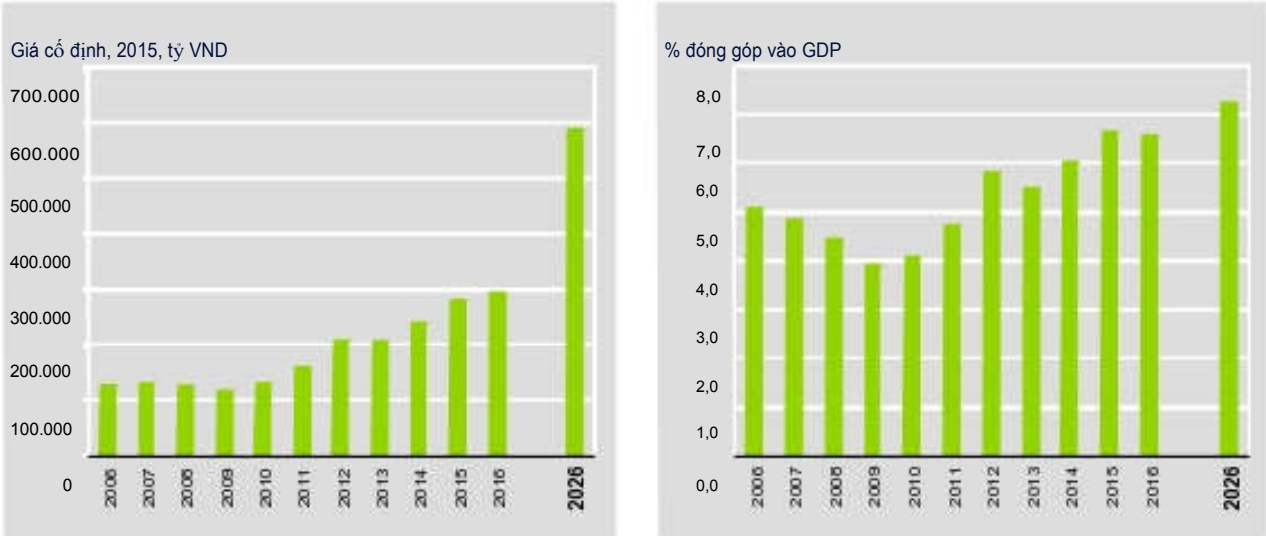
Đóng góp phát sinh bao gồm phần GDP và số lượng việc làm tạo ra bởi chi tiêu của những người đang làm việc trực tiếp hoặc gián tiếp trong ngành du lịch và lữ hành.

Đóng góp của Du lịch và Lữ hành vào GDP¹

Đóng góp trực tiếp của du lịch và lữ hành vào GDP Việt Nam năm 2015 là 279.287 tỷ VND (6,6% GDP); được dự báo sẽ tăng 5,2% và đạt 293.772 tỷ VND năm 2016. Đóng góp này chủ yếu đến từ hoạt động kinh tế của các lĩnh vực như khách sạn, đại lý lữ hành, hàng không và các dịch vụ vận chuyển hành khách khác (trừ dịch vụ vận chuyển hành khách từ nhà đến nơi làm việc); đồng thời cũng bao gồm đóng góp trong lĩnh vực nhà hàng và dịch vụ nghỉ ngơi giải trí phục vụ khách du lịch.

Dự báo đóng góp trực tiếp của du lịch và lữ hành vào GDP sẽ tăng khoảng 7,2% mỗi năm trong thời gian tới và đạt 587.593 tỷ VND (7,2% GDP) vào năm 2026.

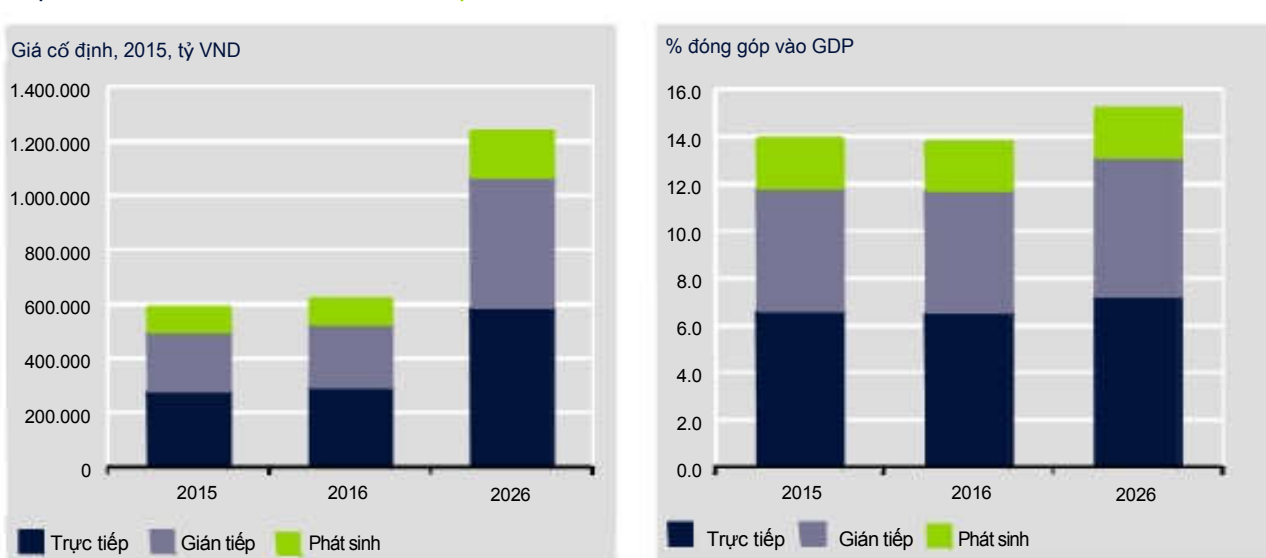
VIỆT NAM: ĐÓNG GÓP TRỰC TIẾP CỦA DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH VÀO GDP



Tổng đóng góp của du lịch và lữ hành vào GDP Việt Nam năm 2015 (bao gồm cả tác động rộng hơn từ đầu tư, chuỗi cung ứng và thu nhập phát sinh) là 584.884 tỷ VND in 2015 (13,9% GDP); được dự báo sẽ tăng trưởng 5,3% và đạt 615.671 tỷ VND (13,7% GDP) năm 2016.

Dự báo tổng đóng góp của du lịch và lữ hành vào GDP sẽ tăng 7,2% mỗi năm trong giai đoạn tới và đạt 1.232.640 tỷ VND vào năm 2026 (15,2% GDP).

VIỆT NAM: TỔNG ĐÓNG GÓP CỦA DU LỊCH & LỮ HÀNH VÀO GDP



¹ Tất cả các giá trị được tính theo giá cố định và tỷ giá hối đoái năm 2015

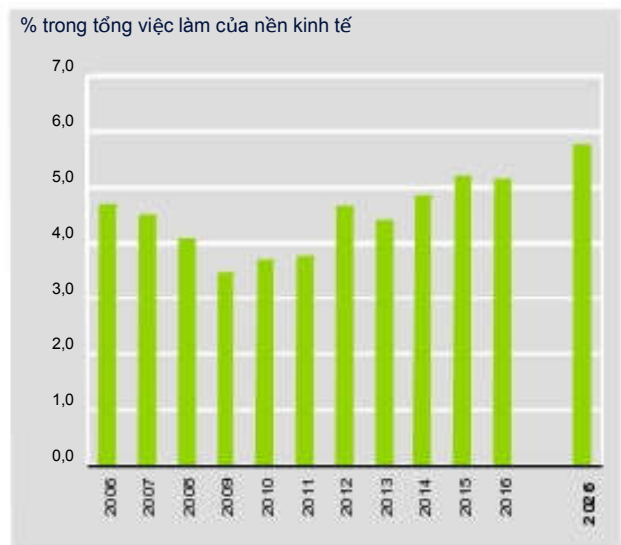
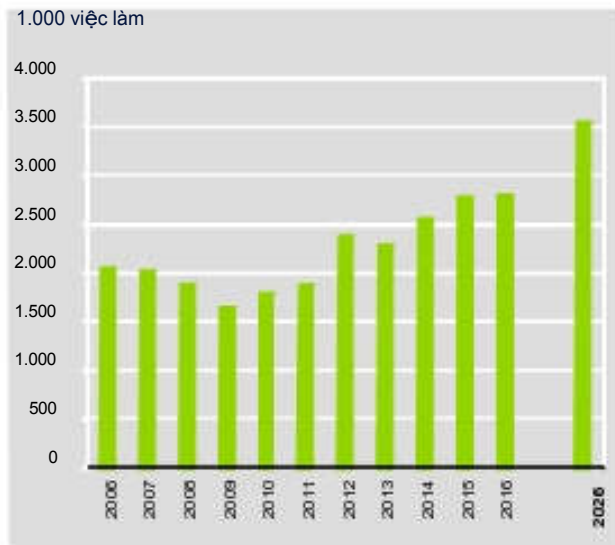


Đóng góp của Du lịch & Lữ hành vào việc làm

Ngành du lịch và lữ hành đã tạo ra 2.783.000 việc làm trực tiếp trong năm 2015 (5,2% tổng số việc làm) và được dự báo sẽ tăng 0,7% trong năm 2016, đạt 2.802.500 việc làm (5,1% tổng số việc làm). Con số này bao gồm những việc làm trong lĩnh vực khách sạn, đại lý lữ hành, hãng hàng không và các dịch vụ vận chuyển hành khách khác (không tính dịch vụ vận chuyển hành khách từ nhà đến nơi làm việc); đồng thời cũng bao gồm việc làm trong lĩnh vực nhà hàng và dịch vụ nghỉ ngơi giải trí phục vụ khách du lịch.

Đến năm 2026, ngành du lịch và lữ hành sẽ tạo ra 3.553.000 việc làm trực tiếp, với tốc độ tăng khoảng 2,4% mỗi năm trong vòng 10 năm tới.

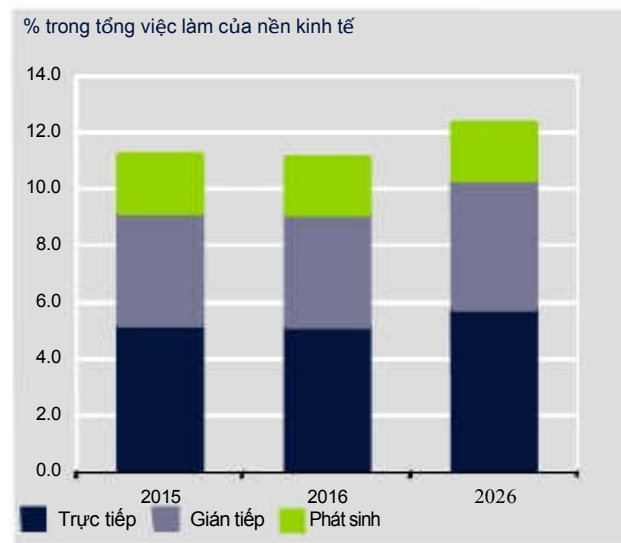
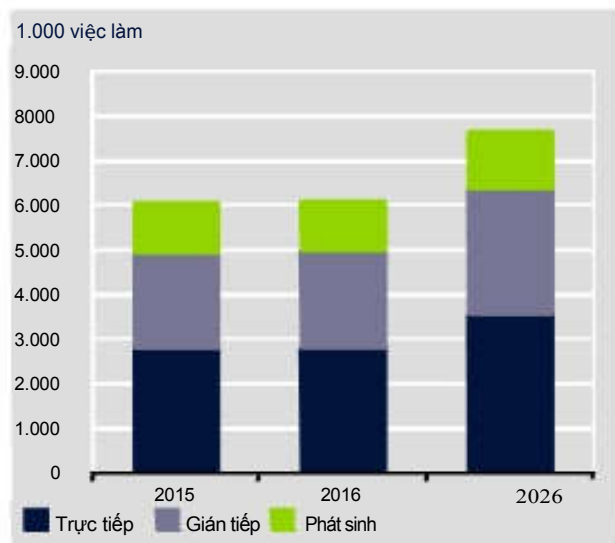
VIỆT NAM: ĐÓNG GÓP TRỰC TIẾP CỦA DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH VÀO VIỆC LÀM



Tổng đóng góp của du lịch và lữ hành vào việc làm (bao gồm cả những tác động đến từ đầu tư, chuỗi cung cấp, thu nhập phát sinh) là 6.035.500 việc làm trong năm 2015 (chiếm 11,2% tổng số việc làm); và được dự báo sẽ tăng 0,7% trong năm 2016, đạt 6.075.500 việc làm (11,1% tổng số việc làm).

Đến năm 2026, dự báo ngành du lịch và lữ hành sẽ hỗ trợ tạo ra 7.632.000 việc làm (chiếm 12,3% tổng số lao động), tăng trung bình 2,3% mỗi năm trong giai đoạn này.

VIỆT NAM: TỔNG ĐÓNG GÓP CỦA DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH VÀO VIỆC LÀM



Đầu tư và giá trị xuất khẩu từ khách du lịch¹

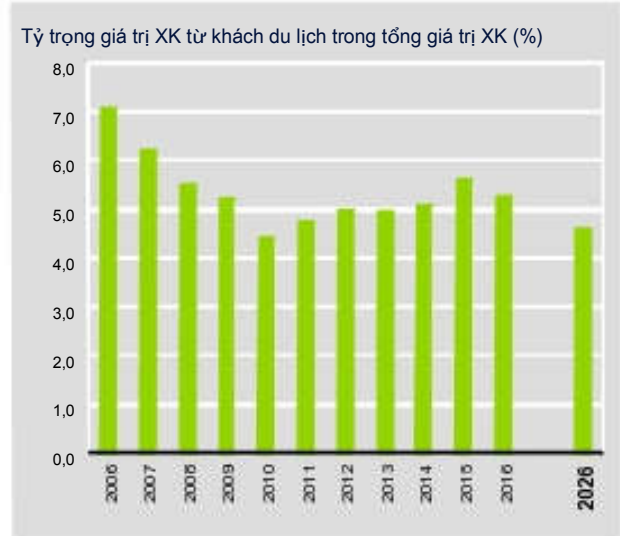
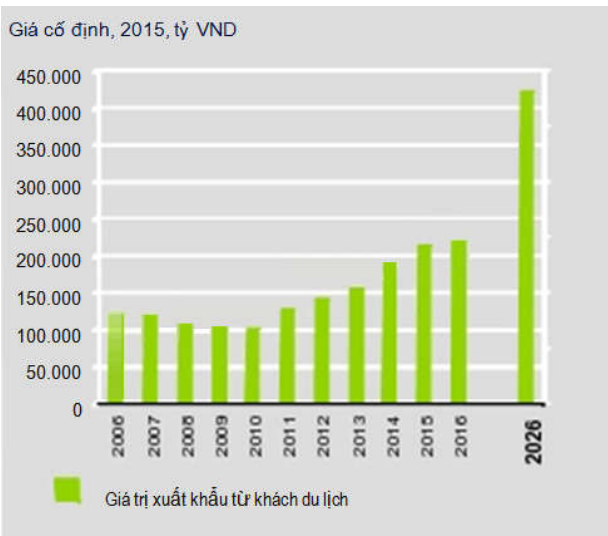
GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU TỪ KHÁCH DU LỊCH

Chi tiêu của khách nước ngoài khi tới một quốc gia (hay còn gọi là giá trị xuất khẩu từ khách du lịch) là một bộ phận quan trọng trong đóng góp trực tiếp của ngành du lịch và lữ hành.

Năm 2015, Việt Nam đã thu được 213.389 tỷ VND giá trị xuất khẩu từ khách du lịch. Giá trị xuất khẩu được dự báo sẽ tăng 2,2% trong năm 2016.

Dự báo đến năm 2026, chi tiêu của khách du lịch quốc tế đến Việt Nam sẽ đạt 422.128 tỷ VND, tăng khoảng 6,8% mỗi năm.

VIỆT NAM: GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU TỪ KHÁCH DU LỊCH

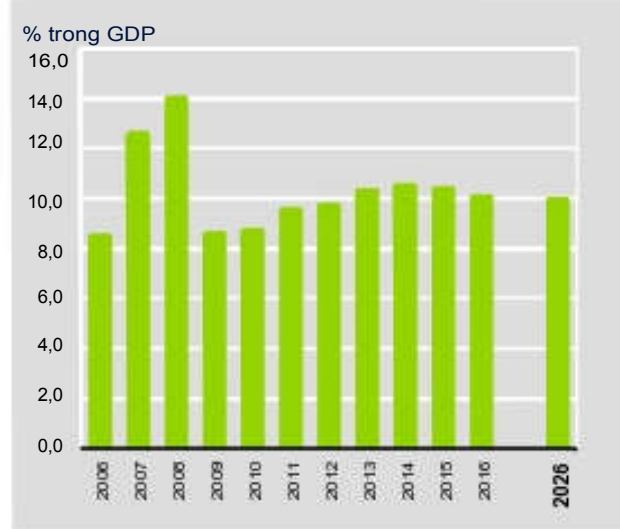
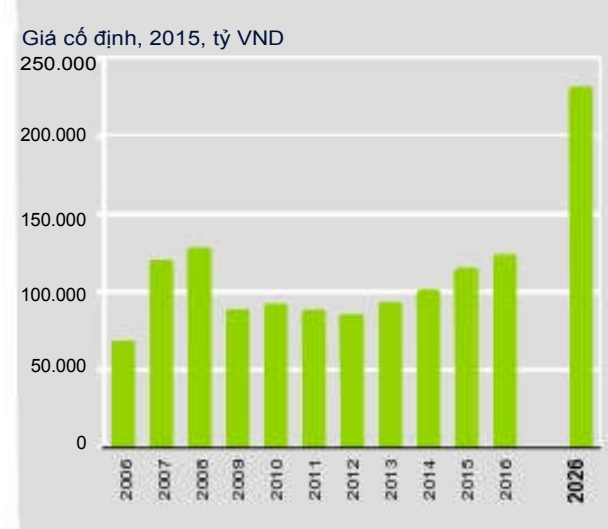


ĐẦU TƯ

Năm 2015, ước tính Việt Nam đã thu hút khoảng 113.497 tỷ VND vốn đầu tư vào lĩnh vực du lịch và lữ hành. Dự báo năm 2016 sẽ tăng 7,7%; trong vòng 10 năm tới sẽ tăng khoảng 6,5% và đạt 229.855 tỷ VND vào năm 2026.

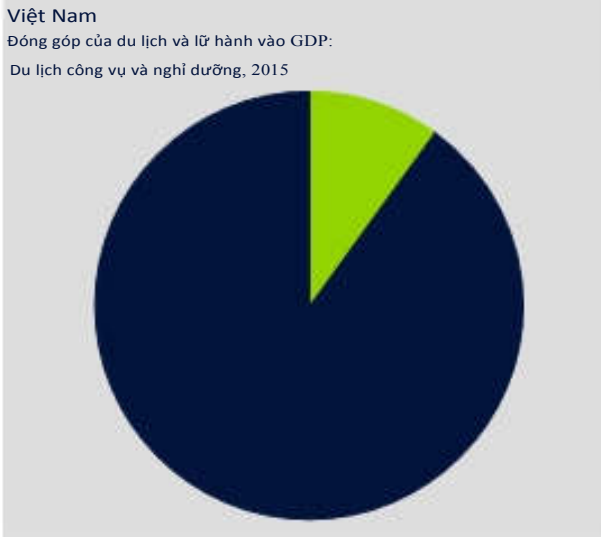
Tỷ trọng vốn đầu tư vào lĩnh vực du lịch và lữ hành trong tổng đầu tư quốc gia sẽ giảm từ 10,1% năm 2016 xuống còn 10,0% năm 2026.

VIỆT NAM: VỐN ĐẦU TƯ VÀO LĨNH VỰC DU LỊCH & LỮ HÀNH



¹Tất cả các giá trị được tính theo giá cố định và tỷ giá hối đoái năm 2015

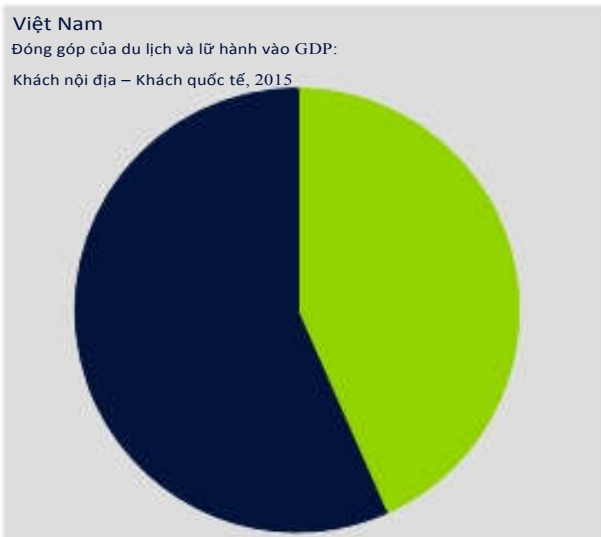
Những yếu tố khác của Du lịch và Lữ hành¹



Năm 2015, chi tiêu cho du lịch nghỉ dưỡng (trong nước và ra nước ngoài) chiếm 90% GDP trực tiếp của du lịch và lữ hành, đạt 339.480 tỷ VND; trong khi chi tiêu cho du lịch công vụ chiếm 10% với 37.577,9 tỷ VND.

Chi tiêu cho du lịch nghỉ dưỡng được dự báo sẽ tăng 4,0% năm 2016, đạt 353.007 tỷ VND; và tăng 6,6% mỗi năm trong 10 năm tới, đạt 669.906 tỷ VND vào năm 2026.

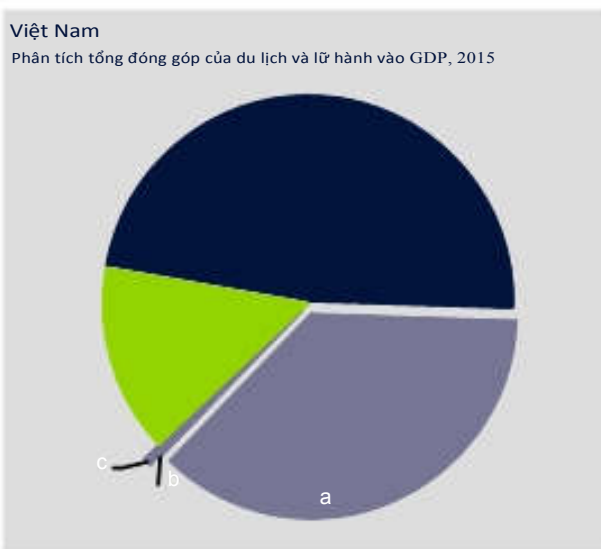
Chi tiêu cho du lịch công vụ được dự báo sẽ tăng 8,5% năm 2016, đạt 40.765,7 tỷ VND; và tăng 6,1% mỗi năm trong 10 năm tới, đạt 73.474,1 tỷ vào năm 2026.



Chi tiêu của du lịch nội địa chiếm 43,4% GDP của du lịch và lữ hành năm 2015; trong khi đó chi tiêu của du khách quốc tế (hay còn gọi là giá trị xuất khẩu từ khách du lịch / tổng thu từ khách du lịch quốc tế) chiếm 56,6%.

Chi tiêu của du khách nội địa được ước tính sẽ tăng 7,4% năm 2016, đạt 175.730 tỷ VND; và tăng 6,2% mỗi năm trong 10 năm tới, đạt 321.252 tỷ VND vào năm 2026.

Chi tiêu của du khách quốc tế được dự báo sẽ tăng 2,2% năm 2016, đạt 218.042 tỷ VND; và tăng 6,8% mỗi năm trong 10 năm tới, đạt 422.128 tỷ VND vào năm 2026.



Ngành du lịch và lữ hành đóng góp vào GDP và việc làm theo nhiều cách, như được mô tả ở phía trên.

Tổng đóng góp của du lịch và lữ hành lớn gấp đôi đóng góp trực tiếp của ngành.

¹ Tất cả các giá trị được tính theo giá cố định và tỷ giá hối đoái năm 2015

Bảng xếp hạng quốc gia: Đóng góp tuyệt đối, năm 2015

Đóng góp trực tiếp của Du lịch và Lữ hành vào GDP	2015 (Tỷ USD)
12 Thái Lan	36,4
16 In-đô-nê-xi-a	28,2
Châu Á-Thái Bình Dương	19,9
Thế giới	18,5
28 Xin-ga-po	13,9
31 Ma-lai-xi-a	13,0
32 Việt Nam	12,7
35 Phi-líp-pin	12,5
70 Cam-pu-chia	2,4
85 Mi-an-ma	1,7
127 Lào	0,6
147 Bru-nây	0,2

Tổng đóng góp của Du lịch và Lữ hành vào GDP	2015 (Tỷ USD)
15 In-đô-nê-xi-a	82,4
16 Thái Lan	81,6
Châu Á-Thái Bình Dương	63,0
Thế giới	55,7
27 Ma-lai-xi-a	38,9
33 Phi-líp-pin	31,4
37 Xin-ga-po	28,7
40 Việt Nam	26,7
80 Cam-pu-chia	5,4
92 Mi-an-ma	3,8
122 Lào	1,7
135 Bru-nây	1,2

Đóng góp trực tiếp của Du lịch và Lữ hành vào việc làm	2015 1.000 việc
5 In-đô-nê-xi-a	3468,4
7 Việt Nam	2782,8
9 Thái Lan	2402,3
Châu Á-Thái Bình Dương	2037,4
12 Phi-líp-pin	1264,7
18 Cam-pu-chia	1034,7
Thế giới	845,8
26 Mi-an-ma	661,0
31 Ma-lai-xi-a	574,2
69 Xin-ga-po	158,4
82 Lào	122,9
170 Bru-nây	4,7

Tổng đóng góp của Du lịch và Lữ hành vào việc làm	2015 1.000 việc
4 In-đô-nê-xi-a	10284,0
7 Việt Nam	6035,5
8 Thái Lan	5869,7
Châu Á-Thái Bình Dương	4768,3
12 Phi-líp-pin	4003,8
21 Cam-pu-chia	2303,7
Thế giới	2123,0
26 Ma-lai-xi-a	1575,8
32 Mi-an-ma	1430,1
77 Lào	384,8
85 Xin-ga-po	310,3
166 Bru-nây	15,8

Đầu tư vốn vào Du lịch và Lữ hành	2015 (Tỷ USD)
12 Xin-ga-po	14,4
14 In-đô-nê-xi-a	14,0
Châu Á-Thái Bình Dương	9,3
21 Thái Lan	6,6
27 Ma-lai-xi-a	5,3
29 Việt Nam	5,2
Thế giới	4,3
55 Phi-líp-pin	1,7
85 Bru-nây	0,5
92 Cam-pu-chia	0,4
98 Lào	0,4
135 Mi-an-ma	0,1

Giá trị xuất khẩu từ khách du lịch quốc tế	2015 (Tỷ USD)
4 Thái Lan	49,0
22 Xin-ga-po	16,5
25 Ma-lai-xi-a	15,4
Châu Á-Thái Bình Dương	12,1
30 In-đô-nê-xi-a	11,8
34 Việt Nam	9,7
Thế giới	7,1
46 Phi-líp-pin	6,5
59 Cam-pu-chia	3,5
79 Mi-an-ma	1,9
119 Lào	0,7
132 Bru-nây	0,5

Các bảng từ trang 7-10 được trích dẫn từ Bảng xếp hạng đầy đủ của WTTC, trong đó so sánh Việt Nam với các điểm đến cạnh tranh cũng như với mức trung bình thế giới và trong khu vực. Mức trung bình trong các bảng trên được tính đơn giản bằng trung bình cộng của các quốc gia. Các điểm đến cạnh tranh được lựa chọn đều có sản phẩm du lịch tương đồng và cạnh tranh về thị trường khách truyền thống. Các quốc gia này có xu hướng nằm gần nhau về địa lý (nhưng không phải tất cả).

Bảng xếp hạng quốc gia: Đóng góp tương đối, năm 2015

Đóng góp trực tiếp của Du lịch và Lữ hành vào GDP	2015 tỷ trọng %
16 Cam-pu-chia	13,5
24 Thái Lan	9,3
40 Việt Nam	6,6
59 Xin-ga-po	4,8
63 Lào	4,6
66 Ma-lai-xi-a	4,4
73 Phi-líp-pin	4,2
103 In-đô-nê-xi-a	3,3
Thế giới	3,0
Châu Á-Thái Bình Dương	2,7
125 Mi-an-ma	2,6
172 Bru-nây	1,5

Tổng đóng góp của Du lịch và Lữ hành vào GDP	2015 tỷ trọng %
19 Cam-pu-chia	29,9
34 Thái Lan	20,8
54 Lào	14,0
55 Việt Nam	13,9
58 Ma-lai-xi-a	13,1
77 Phi-líp-pin	10,6
90 Xin-ga-po	10,0
Thế giới	9,8
93 In-đô-nê-xi-a	9,6
Châu Á-Thái Bình Dương	8,5
123 Bru-nây	7,4
147 Mi-an-ma	5,9

Đóng góp trực tiếp của Du lịch và Lữ hành vào việc làm	2015 tỷ trọng %
18 Cam-pu-chia	12,1
44 Thái Lan	6,3
58 Việt Nam	5,2
72 Xin-ga-po	4,3
76 Ma-lai-xi-a	4,2
81 Lào	3,9
Châu Á-Thái Bình Dương	3,7
Thế giới	3,6
98 Phi-líp-pin	3,3
111 In-đô-nê-xi-a	2,9
129 Bru-nây	2,5
139 Mi-an-ma	2,3

Tổng đóng góp của Du lịch và Lữ hành vào việc làm	2015 tỷ trọng %
22 Cam-pu-chia	26,9
50 Thái Lan	15,4
57 Lào	12,2
65 Ma-lai-xi-a	11,4
70 Việt Nam	11,2
79 Phi-líp-pin	10,3
Thế giới	9,5
100 In-đô-nê-xi-a	8,7
Châu Á-Thái Bình Dương	8,6
102 Xin-ga-po	8,5
106 Bru-nây	8,2
155 Mi-an-ma	5,0

Đóng góp của đầu tư du lịch và lữ hành vào tổng vốn đầu tư	2015 tỷ trọng %
16 Xin-ga-po	19,9
27 Cam-pu-chia	15,3
37 Bru-nây	11,9
46 Việt Nam	10,4
52 Lào	9,2
75 Ma-lai-xi-a	6,9
76 Thái Lan	6,8
93 In-đô-nê-xi-a	5,0
Thế giới	4,3
Châu Á-Thái Bình Dương	3,7
154 Phi-líp-pin	2,7
184 Mi-an-ma	0,7

Đóng góp của giá trị xuất khẩu từ khách du lịch quốc tế vào Tổng giá trị xuất khẩu	2015 tỷ trọng %
24 Lào	48,1
38 Cam-pu-chia	32,6
42 Mi-an-ma	29,5
64 Thái Lan	17,9
100 Phi-líp-pin	7,8
104 Ma-lai-xi-a	7,3
107 Bru-nây	6,9
115 In-đô-nê-xi-a	6,4
Thế giới	6,1
124 Việt Nam	5,6
Châu Á-Thái Bình Dương	5,5
150 Xin-ga-po	3,3

Bảng xếp hạng quốc gia: Tăng trưởng thực tế, năm 2016

Đóng góp trực tiếp của Du lịch và Lữ hành vào GDP	2016 % tăng trưởng
1 Ma-lai-xi-a	7,9
12 Phi-líp-pin	6,1
13 Lào	6,1
15 Mi-an-ma	6,0
24 In-đô-nê-xi-a	5,5
35 Việt Nam	5,2
Châu Á-Thái Bình Dương	5,0
47 Thái Lan	4,3
53 Cam-pu-chia	4,2
Thế giới	3,3
99 Xin-ga-po	2,8
113 Bru-nây	2,5

Tổng đóng góp của Du lịch và Lữ hành vào GDP	2016 % tăng trưởng
3 Ma-lai-xi-a	6,9
6 Phi-líp-pin	6,6
7 Lào	6,6
15 Mi-an-ma	5,9
21 In-đô-nê-xi-a	5,5
24 Việt Nam	5,3
Châu Á-Thái Bình Dương	5,2
48 Cam-pu-chia	4,2
59 Thái Lan	4,0
74 Xin-ga-po	3,7
Thế giới	3,5
115 Bru-nây	2,4

Đóng góp trực tiếp của Du lịch và Lữ hành vào việc làm	2016 % tăng trưởng
5 Ma-lai-xi-a	6,2
28 Mi-an-ma	3,6
31 Xin-ga-po	3,6
39 Phi-líp-pin	3,1
50 In-đô-nê-xi-a	2,6
Châu Á-Thái Bình Dương	2,2
76 Cam-pu-chia	2,0
Thế giới	1,9
83 Thái Lan	1,6
97 Lào	1,3
114 Bru-nây	0,8
118 Việt Nam	0,7

Tổng đóng góp của Du lịch và Lữ hành vào việc làm	2016 % tăng trưởng
8 Ma-lai-xi-a	5,2
25 Phi-líp-pin	3,5
Châu Á-Thái Bình Dương	2,6
48 In-đô-nê-xi-a	2,6
55 Xin-ga-po	2,3
Thế giới	2,2
65 Thái Lan	2,0
81 Lào	1,8
96 Mi-an-ma	1,3
115 Bru-nây	0,7
117 Cam-pu-chia	0,7
119 Việt Nam	0,7

Đầu tư vào Du lịch và Lữ hành	2016 % tăng trưởng
19 Phi-líp-pin	8,3
22 Thái Lan	8,0
26 Việt Nam	7,7
27 Lào	7,6
37 In-đô-nê-xi-a	7,0
39 Mi-an-ma	6,8
60 Cam-pu-chia	5,6
67 Xin-ga-po	5,4
Châu Á-Thái Bình Dương	4,8
Thế giới	4,7
135 Bru-nây	2,3
147 Ma-lai-xi-a	1,4

Giá trị xuất khẩu từ khách du lịch quốc tế	2016 % tăng trưởng
1 Ma-lai-xi-a	12,3
25 Mi-an-ma	5,9
44 Thái Lan	5,0
Châu Á-Thái Bình Dương	4,1
73 Phi-líp-pin	3,6
88 Cam-pu-chia	3,1
89 Lào	3,1
Thế giới	3,0
114 Việt Nam	2,2
132 Bru-nây	1,4
134 Xin-ga-po	1,0
137 In-đô-nê-xi-a	1,0

Bảng xếp hạng quốc gia: Tăng trưởng dài hạn, 2016 - 2026

Đóng góp trực tiếp của Du lịch và Lữ hành vào GDP	2016 - 2026 % tăng trưởng hàng năm
5 Mi-an-ma	7,6
6 Bru-nây	7,5
9 Việt Nam	7,2
11 Thái Lan	6,7
25 Cam-pu-chia	6,0
35 Lào	5,7
Châu Á-Thái Bình Dương	5,7
55 Phi-líp-pin	5,3
56 In-đô-nê-xi-a	5,3
88 Ma-lai-xi-a	4,5
Thế giới	4,2
129 Xin-ga-po	3,5

Tổng đóng góp của Du lịch và Lữ hành vào GDP	2016 - 2026 % tăng trưởng hàng năm
2 Mi-an-ma	7,8
5 Việt Nam	7,2
15 Thái Lan	6,4
21 Bru-nây	6,3
24 Cam-pu-chia	6,1
33 In-đô-nê-xi-a	5,8
39 Lào	5,8
Châu Á-Thái Bình Dương	5,6
47 Phi-líp-pin	5,4
62 Ma-lai-xi-a	5,1
Thế giới	4,0
134 Xin-ga-po	3,4

Đóng góp trực tiếp của Du lịch và Lữ hành vào việc làm	2016 - 2026 % tăng trưởng hàng năm
5 Thái Lan	5,1
6 Mi-an-ma	5,0
13 Cam-pu-chia	4,2
17 Bru-nây	4,0
49 Ma-lai-xi-a	3,3
81 Việt Nam	2,4
85 Phi-líp-pin	2,4
Thế giới	2,1
Châu Á-Thái Bình Dương	2,1
124 Lào	1,6
130 In-đô-nê-xi-a	1,6
156 Xin-ga-po	1,0

Tổng đóng góp của Du lịch và Lữ hành vào việc làm	2016 - 2026 % tăng trưởng hàng năm
2 Thái Lan	4,6
6 Bru-nây	4,3
17 Mi-an-ma	3,9
21 Ma-lai-xi-a	3,7
58 Cam-pu-chia	2,9
Châu Á-Thái Bình Dương	2,8
Thế giới	2,5
73 Phi-líp-pin	2,5
85 Việt Nam	2,3
99 In-đô-nê-xi-a	2,0
127 Lào	1,6
170 Xin-ga-po	0,6

Đóng góp của đầu tư du lịch và lữ hành vào đầu tư vốn	2016 - 2026 % tăng trưởng hàng năm
1 Mi-an-ma	9,8
14 Ma-lai-xi-a	7,0
15 In-đô-nê-xi-a	6,9
21 Thái Lan	6,6
22 Việt Nam	6,5
24 Cam-pu-chia	6,3
47 Lào	5,5
48 Phi-líp-pin	5,5
Châu Á-Thái Bình Dương	5,4
51 Xin-ga-po	5,3
Thế giới	4,5
175 Bru-nây	1,6

Đóng góp của giá trị xuất khẩu từ khách du lịch quốc tế vào Tổng giá trị xuất khẩu	2016 - 2026 % tăng trưởng hàng năm
1 Mi-an-ma	8,5
3 Bru-nây	8,2
9 Thái Lan	7,5
17 Việt Nam	6,8
21 Phi-líp-pin	6,6
22 In-đô-nê-xi-a	6,6
53 Cam-pu-chia	5,5
78 Ma-lai-xi-a	4,8
Châu Á-Thái Bình Dương	4,7
97 Lào	4,4
Thế giới	4,3
143 Xin-ga-po	3,0

Bảng tổng hợp: Ước tính và dự báo

Việt Nam	2015	2015	2016	Triệu USD ²	2026	Tăng trưởng ³
	Triệu USD ¹	Tỷ trọng %	Tăng trưởng		Tỷ trọng %	
Đóng góp trực tiếp vào GDP	12.741,8	6,6	5,2	26.807,5	7,2	7,2
Tổng đóng góp vào GDP	26.683,8	13,9	5,3	56.235,9	15,2	7,2
Đóng góp trực tiếp vào việc làm ⁴	2.782,8	5,2	0,7	3.553,0	5,7	2,4
Tổng đóng góp vào việc làm ⁴	6.035,5	11,2	0,7	7.631,6	12,3	2,3
Giá trị xuất khẩu từ khách du lịch quốc tế	9.735,3	5,6	2,2	19.258,5	4,6	6,8
Chi tiêu nội địa	7.467,0	3,9	7,4	14.656,3	4,0	6,2
Chi tiêu giải trí	15.487,9	6,0	4,0	30.562,8	6,5	6,6
Chi tiêu kinh doanh	1.714,4	0,7	8,5	3.352,1	0,7	6,1
Đầu tư vốn	5.178,0	10,4	7,7	10.486,5	10,0	6,5

¹Tỷ giá hối đoái và Giá cố định năm 2015; ²Tăng trưởng thực tế 2016 được điều chỉnh theo tỷ lệ lạm phát (%); ³Tăng trưởng thực tế hàng năm giai đoạn 2016-2026 được điều chỉnh theo tỷ lệ lạm phát (%); ⁴1.000 việc làm

Châu Á-Thái Bình Dương	2015	2015	2016	Tỷ USD ¹	2026	Tăng trưởng ³
	Tỷ USD ¹	Tỷ trọng %	Tăng trưởng ²		Tỷ trọng %	
Đóng góp trực tiếp vào GDP	635,9	2,7	5,0	1.162,0	3,1	5,7
Tổng đóng góp vào GDP	2.016,8	8,5	5,2	3.645,6	9,7	5,6
Đóng góp trực tiếp vào việc làm ⁴	65.197	3,7	2,2	81.693	4,2	2,1
Tổng đóng góp vào việc làm ⁴	152.585	8,6	2,6	205.581	10,5	2,8
Giá trị xuất khẩu từ khách du lịch quốc tế	386,0	5,5	4,1	633,4	5,8	4,7
Chi tiêu nội địa	1.040,3	4,4	5,4	1.968,1	5,3	6,0
Chi tiêu giải trí	1.111,6	2,0	4,9	2.024,6	2,4	5,7
Chi tiêu kinh doanh	314,7	0,6	5,6	577,3	0,7	5,7
Đầu tư vốn	296,5	3,7	4,8	527,2	4,3	5,4

¹Tỷ giá hối đoái và Giá cố định năm 2015; ²Tăng trưởng thực tế 2016 được điều chỉnh theo tỷ lệ lạm phát (%); ³Tăng trưởng thực tế hàng năm giai đoạn 2016-2026 được điều chỉnh theo tỷ lệ lạm phát (%); ⁴1.000 việc làm

Thế giới	2015	2015	2016	Tỷ USD ¹	2026	Tăng trưởng ³
	Tỷ USD ¹	Tỷ trọng %	Tăng trưởng ²		Tỷ trọng %	
Đóng góp trực tiếp vào GDP	2.229,8	3,0	3,3	3.469,1	3,4	4,2
Tổng đóng góp vào GDP	7.170,3	9,8	3,5	10.986,5	10,8	4,0
Đóng góp trực tiếp vào việc làm ⁴	107.833	3,6	1,9	135.884	4,0	2,1
Tổng đóng góp vào việc làm ⁴	283.578	9,5	2,2	370.204	11,0	2,5
Giá trị xuất khẩu từ khách du lịch quốc tế	1.308,9	6,1	3,0	2.056,0	6,2	4,3
Chi tiêu nội địa	3.419,9	4,7	3,3	5.245,5	5,2	4,0
Chi tiêu giải trí	3.621,9	2,3	3,0	5.645,8	2,6	4,2
Chi tiêu kinh doanh	1.106,9	0,7	3,9	1.658,8	0,8	3,7
Đầu tư vốn	774,6	4,3	4,7	1.254,2	4,7	4,5

¹Tỷ giá hối đoái và Giá cố định năm 2015; ²Tăng trưởng thực tế 2016 được điều chỉnh theo tỷ lệ lạm phát (%); ³Tăng trưởng thực tế hàng năm giai đoạn 2016-2026 được điều chỉnh theo tỷ lệ lạm phát (%); ⁴1.000 việc làm

Tỷ trọng % thể hiện tỷ trọng của giá trị mỗi chỉ số đó trong tổng giá trị của chỉ số kinh tế liên quan như GDP hay việc làm. Giá trị xuất khẩu từ khách du lịch quốc tế được thể hiện so với tổng giá trị xuất khẩu hàng hóa; Chi tiêu nội địa được thể hiện so với GDP của toàn nền kinh tế; Đóng góp trực tiếp của Chi tiêu giải trí và kinh doanh vào GDP Du lịch và Lữ hành được tính như tỷ trọng của chúng trong GDP toàn nền kinh tế (Tổng các giá trị này bằng giá trị đóng góp trực tiếp); Đầu tư được thể hiện so với tổng giá trị đầu tư của nền kinh tế.

Đóng góp kinh tế của Du lịch và Lữ hành: Theo giá thực tế 2015

Việt Nam (Tỷ VND, theo giá thực tế 2015)	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016E	2026F
1. Giá trị xuất khẩu từ khách du lịch quốc tế	100.926	127.004	141.426	154.817	174.090	213.389	218.042	422.128
2. Chi tiêu nội địa (bao gồm cả chi tiêu chính phủ cho dịch vụ phục vụ khách)	118.235	119.086	128.680	137.689	149.731	163.669	175.730	321.252
3. Tiêu dùng du lịch trong nước (= 1 + 2)	219.161	246.090	270.106	292.506	323.821	377.058	393.772	743.380
4. Chi mua sắm của các nhà cung ứng du lịch, bao gồm cả hàng hóa nhập khẩu (chuỗi cung ứng)	-89.643	-86.568	-63.852	-87.262	-84.827	-97.771	-100.000	-155.787
5. Đóng góp trực tiếp của Du lịch và Lữ hành vào GDP (= 3 + 4)	129.518	159.522	206.254	205.244	238.994	279.287	293.772	587.593
Tác động khác (gián tiếp & phát sinh)	87.145	107.332	138.775	138.096	160.804	187.914	197.661	395,354
6. Chuỗi cung ứng nội địa								
7. Đầu tư vốn	90.454	86.511	83.688	91.419	99.413	113.497	122.222	229,855
8. Chi tiêu chính phủ hỗ trợ chung du lịch	2.372,1	2.494,7	2.642,1	2.903,1	3.142,5	3.461,6	3.751,8	6.338,1
9. Hàng hóa nhập khẩu từ chi tiêu gián tiếp	-59.445	-79.877	-59.130	-75.146	-76.292	-85.953	-91.753	-152.059
10. Phát sinh	46.515	50.283	70.059	66.707	77.541	86.678	90.017	165.559
11. Tổng đóng góp của Du lịch và Lữ hành vào GDP (= 5 + 6 + 7 + 8 + 9 + 10)	296.558	326.265	442.288	429.224	503.602	584.884	615.671	1.232.640
Các tác động đến việc làm (1.000)								
12. Đóng góp trực tiếp của Du lịch và Lữ hành vào việc làm	1.795,5	1.880,2	2.381,7	2.291,1	2.558,3	2.782,8	2.802,4	3.553,0
13. Tổng giá trị đóng góp của Du lịch và Lữ hành vào việc làm	4.160,7	3.982,4	5.170,9	4.950,4	5.564,7	6.035,5	6.075,5	7.631,6
Các chỉ số khác								
14. Chi tiêu cho Du lịch outbound	71.323	62.638	64.988	74.909	77.309	79.012	89.567	165.008

Đóng góp kinh tế của Du lịch và Lữ hành: Theo giá danh nghĩa

Việt Nam (Tỷ VND, theo giá danh nghĩa 2015)	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016E	2026F
1. Giá trị xuất khẩu từ khách du lịch quốc tế	68.542	104.590	129.191	148.156	172.704	213.389	224.039	672.212
2. Chi tiêu nội địa (bao gồm cả chi tiêu chính phủ cho dịch vụ phục vụ khách)	80.296	98.069	117.548	131.766	148.539	163.668	180.562	511.574
3. Tiêu dùng du lịch trong nước (= 1 + 2)	148.838	202.659	246.739	279.922	321.243	377.057	404.601	1.183.786
4. Chi mua sắm của các nhà cung ứng du lịch, bao gồm cả hàng hóa nhập khẩu (chuỗi cung ứng)	-60.879	-71.291	-58.328	-83.507	-84.153	-97.770	-102.750	-248.081
5. Đóng góp trực tiếp của Du lịch và Lữ hành vào GDP (= 3 + 4)	87.959	131.368	188.411	196.415	237.090	279.287	301.851	935.705
Tác động khác (gián tiếp & phát sinh)								
6. Chuỗi cung ứng nội địa	59.182	88.389	126.770	132.155	159.523	187.914	203.096	629.577
7. Đầu tư vốn	61.430	71.243	76.449	87.487	98.622	113.497	125.583	366.029
8. Chi tiêu chính phủ hỗ trợ chung du lịch	1.611,0	2.054,4	2.413,5	2.778,2	3.117,4	3.461,6	3.855,0	10.093,1
9. Hàng hóa nhập khẩu từ chi tiêu gián tiếp	-40.371	-65.780	-54.015	-71.914	-75.684	-85.954	-94.276	-242.151
10. Phát sinh	31.590	41.408	63.998	63.837	76.923	86.678	92.492	263.643
11. Tổng đóng góp của Du lịch và Lữ hành vào GDP (= 5 + 6 + 7 + 8 + 9 + 10)	201.400	268.684	404.026	410.758	499.591	584.884	632.602	1.962.900
Các tác động đến việc làm (1.000)								
12. Đóng góp trực tiếp của Du lịch và Lữ hành vào việc làm	1.795,5	1.880,2	2.381,7	2.291,1	2.558,3	2.782,8	2.802,4	3.553,0
13. Tổng giá trị đóng góp của Du lịch và Lữ hành vào việc làm	4.160,7	3.982,4	5.170,9	4.950,4	5.564,7	6.035,5	6.075,5	7.631,6
Các chỉ số khác								
14. Chi tiêu cho Du lịch outbound	48.437	51.583	59.366	71.686	76.694	79.012	92.031	262.764

*Các khái niệm được chỉ ra trong bảng này phù hợp với bảng tiêu chuẩn được miêu tả trong *Tài khoản Vệ tinh Du lịch 2008*: Khung phương pháp khuyến nghị (TSA: RMF 2008) được phát triển bởi Cơ quan thống kê của Liên Hợp quốc (UNSD), Văn phòng Thống kê của Cộng đồng châu Âu (EUROSTAT), Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD) và Tổ chức Du lịch thế giới (UNWTO). Dữ liệu trước đây về các khái niệm này đã được quy chuẩn cho phù hợp với dữ liệu trong báo cáo của TSA.

Đóng góp kinh tế của Du lịch và Lữ hành: Tăng trưởng

Việt Nam	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016E	2026F ²
Tăng trưởng¹ (%)								
1. Giá trị xuất khẩu từ khách du lịch quốc tế	3,0	25,8	11,4	9,5	12,4	22,6	2,2	6,8
2. Chi tiêu nội địa (bao gồm cả chi tiêu chính phủ cho dịch vụ phục vụ khách)	11,8	0,7	8,1	7,0	8,7	9,3	7,4	6,2
3. Tiêu dùng du lịch trong nước (= 1 + 2)	7,6	12,3	9,8	8,3	10,7	16,4	4,4	6,6
4. Chi mua sắm của các nhà cung ứng du lịch, bao gồm cả hàng hóa nhập khẩu (chuỗi cung ứng)	2,9	-3,4	-26,2	36,7	-2,8	15,3	2,3	4,5
5. Đóng góp trực tiếp của Du lịch và Lữ hành vào GDP (= 3 + 4)	11,1	23,2	29,3	-0,5	16,4	16,9	5,2	7,2
Tác động khác (gián tiếp & phát sinh)								
6. Chuỗi cung ứng nội địa	11,1	23,2	29,3	-0,5	16,4	16,9	5,2	7,2
7. Đầu tư vốn	4,1	-4,4	-3,3	9,2	8,7	14,2	7,7	6,5
8. Chi tiêu chính phủ hỗ trợ chung du lịch	10,8	5,2	5,9	9,9	8,2	10,2	8,4	5,4
9. Hàng hóa nhập khẩu từ chi tiêu gián tiếp	26,2	27,8	3,5	8,7	10,6	15,3	5,8	6,5
10. Phát sinh	-1,3	8,1	39,3	-4,8	16,2	11,8	3,9	6,3
11. Tổng đóng góp của Du lịch và Lữ hành vào GDP (= 5 + 6 + 7 + 8 + 9 + 10)	1,5	10,0	35,6	-3,0	17,3	16,1	5,3	7,2
Các tác động đến việc làm (1.000)								
12. Đóng góp trực tiếp của Du lịch và Lữ hành vào việc làm	8,8	4,7	26,7	-3,8	11,7	8,8	0,7	2,4
13. Tổng giá trị đóng góp của Du lịch và Lữ hành vào việc làm	-1,0	-4,3	29,8	-4,3	12,4	8,5	0,7	2,3
Các chỉ số khác								
14. Chi tiêu cho Du lịch outbound	-7,9	-12,2	3,8	15,3	3,2	2,2	13,4	6,3

¹Tăng trưởng thực tế hàng năm đã được điều chỉnh theo lạm phát giai đoạn 2009-2014 (%);

²Mức tăng trưởng thực tế tính theo năm đã được điều chỉnh theo lạm phát giai đoạn 2015-2025 (%)

THUẬT NGỮ

MỘT SỐ KHÁI NIỆM CƠ BẢN

DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH

Là các hoạt động có liên quan đến chuyển đi của con người ra ngoài nơi cư trú thường xuyên của mình trong khoảng thời gian không quá 1 năm. Hoạt động kinh tế liên quan đến tất cả các khía cạnh của chuyến đi được đo lường trong nghiên cứu này.

ĐÓNG GÓP TRỰC TIẾP VÀO GDP (Tổng sản phẩm quốc nội)

Là phần GDP được tạo ra bởi các ngành liên quan trực tiếp với khách du lịch, bao gồm khách sạn, lữ hành, hàng không và các dịch vụ vận chuyển hành khách khác, cũng như nhà hàng và các hoạt động giải trí liên quan trực tiếp đến khách du lịch.

Được tính bằng chỉ tiêu du lịch và lữ hành trong nước của một quốc gia trừ các khoản chi tiêu của những ngành trên (bao gồm cả hàng hóa nhập khẩu). Theo phương pháp tính Tài khoản vệ tinh du lịch của Liên hợp quốc, đóng góp trực tiếp của du lịch và lữ hành vào GDP tương ứng tổng GDP tính theo bảng 6 trong TSA: RMF 2008.

ĐÓNG GÓP TRỰC TIẾP ĐỐI VỚI VIỆC LÀM

Là số việc làm trực tiếp trong ngành du lịch và lữ hành; tương ứng với tổng việc làm tính theo bảng 7 trong TSA: RMF 2008.

TỔNG ĐÓNG GÓP VÀO GDP

Là GDP được tạo ra trực tiếp từ ngành du lịch và lữ hành cộng với GDP được tạo ra từ những tác động gián tiếp và phát sinh.

TỔNG ĐÓNG GÓP VÀO VIỆC LÀM

Là số việc làm tạo ra trực tiếp trong ngành du lịch và lữ hành cộng với những việc làm được tạo ra từ tác động gián tiếp và phát sinh.

TÁC ĐỘNG CỦA CHI TIÊU TRỰC TIẾP

GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU TỪ KHÁCH DU LỊCH QUỐC TẾ

Là chi tiêu của khách du lịch quốc tế trong phạm vi một quốc gia điếm đến cho các chuyến đi công tác và nghỉ dưỡng, bao gồm cả chi phí cho việc đi lại, nhưng không bao gồm chi phí cho giáo dục. Tương ứng với tổng chi tiêu cho du lịch inbound tính theo bảng 1 trong TSA: RMF 2008.

CHI TIÊU DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH NỘI ĐỊA

Là chi tiêu trong nước của cư dân tại quốc gia đó cho các chuyến đi công tác và nghỉ dưỡng. Không bao gồm các khoản chi cho hàng hóa sử dụng lâu dài bởi vì những hàng hóa đó được mua không chỉ vì mục đích du lịch. Tương ứng với tổng chi tiêu du lịch nội địa tính theo bảng 2 trong TSA: RMF 2008. Không bao gồm chi tiêu của người dân khi ra nước ngoài (du lịch outbound).

CHI TIÊU CỦA CHÍNH PHỦ CHO DỊCH VỤ PHỤC VỤ KHÁCH DU LỊCH

Là chi tiêu của chính phủ cho các dịch vụ du lịch và lữ hành trực tiếp phục vụ du khách như các dịch vụ văn hóa (ví dụ bảo tàng) hay dịch vụ giải trí (ví dụ công viên quốc gia).

TIÊU DÙNG DU LỊCH TRONG NƯỚC

Là tổng thu trong nước từ các ngành liên quan trực tiếp đến khách du lịch bao gồm giá trị xuất khẩu từ khách du lịch quốc tế, chi tiêu nội địa và chi tiêu của chính phủ cho dịch vụ phục vụ khách. Không bao gồm chi tiêu ở nước ngoài của người dân. Tương ứng với tổng chi tiêu du lịch trong nước tính theo bảng 4 trong TSA: RMF 2008.

CHI TIÊU DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH VÌ MỤC ĐÍCH CÔNG VỤ

Là chi tiêu cho du lịch công vụ trong phạm vi một quốc gia của người dân cư trú tại quốc gia đó và khách quốc tế.

CHI TIÊU DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH VÌ MỤC ĐÍCH NGHỈ DƯỠNG

Là chi tiêu cho chuyến du lịch thuần túy vì mục đích nghỉ ngơi thư giãn trong một quốc gia của người dân cư trú tại quốc gia đó và khách quốc tế.

NHỮNG TÁC ĐỘNG GIÁN TIẾP VÀ PHÁT SINH

ĐÓNG GÓP GIÁN TIẾP

Đóng góp vào GDP và việc làm:

- **ĐẦU TƯ VỐN:** bao gồm đầu tư vốn của các ngành liên quan trực tiếp đến du lịch và lữ hành và đầu tư vốn của các ngành khác cho cơ sở vật chất phục vụ du lịch như cơ sở lưu trú du lịch và phương tiện vận chuyển hành khách, cũng như nhà hàng và các cơ sở vui chơi giải trí. Tương ứng với tổng vốn đầu tư cho du lịch tính theo bảng 8 trong TSA: RMF 2008.

- **CHI TIÊU CỦA CHÍNH PHỦ HỖ TRỢ CHUNG CHO DU LỊCH:** Chi tiêu của Chính phủ từ cấp quốc gia đến các vùng, địa phương nhằm hỗ trợ các hoạt động du lịch. Ví dụ, chi cho xúc tiến du lịch, dịch vụ cung cấp thông tin cho du khách, dịch vụ hành chính và các dịch vụ công khác. Tương ứng với tổng chi tiêu chung cho du lịch tính theo bảng 9 trong TSA: RMF 2008.

- **TÁC ĐỘNG CỦA CHUỖI CUNG ỨNG:** Chi tiêu trực tiếp của các ngành khác trong lĩnh vực du lịch và lữ hành cho mua hàng hóa và dịch vụ nội địa làm đầu vào cho sản phẩm du lịch.

ĐÓNG GÓP PHÁT SINH

Là đóng góp vào GDP và việc làm từ chi tiêu của những người trực tiếp hoặc gián tiếp lao động trong ngành du lịch và lữ hành.

CÁC CHỈ SỐ KHÁC

CHI TIÊU CHO DU LỊCH OUTBOUND

Là chi tiêu ở nước ngoài của người dân trong chuyến du lịch nước ngoài. Tương ứng với tổng chi tiêu du lịch outbound tính theo bảng 3 trong TSA: RMF 2008.

LƯỢT KHÁCH QUỐC TẾ ĐẾN

Là số lượt khách quốc tế đến bao gồm khách tham quan trong ngày và khách lưu trú qua đêm tại một quốc gia điếm đến.

